TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **57**/2018/KDTM - PT
Ngày: 07/5/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Thẩm phán: Bà Chu Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông Ninh Việt Hoàng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Ngô Thị Huyền Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2017/TLPT - KDTM ngày 08/01/2018 về việc Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

Do bản án sơ thẩm số 27/2017/KDTM ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 147/2017/QĐPT –KDTM ngày 17/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2018/QĐ – PT ngày 27 tháng 4 năm 2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV H;

Địa chỉ: thôn X, xã T, huyện Z, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí P - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Đức T1 và bà Nguyễn Thị T2; đều trú tại: đường V, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (theo văn bản ủy quyền số 03/2016/UQ - HP ngày 20/11/2016).

2. Bị đơn: Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm A;

Địa chỉ: phố S, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Nam H1 - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng H2, trú tại: khu D, phường E, quận F, thành phố Hà Nội (theo văn bản ủy quyền ngày 29/6/2017).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

Ngân hàng thương mại cổ phần M;

Địa chỉ: đường G, phường G1, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu I - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Mạnh K và ông Đào Nam N; Chức vụ: chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần M (theo văn bản ủy quyền số 944/UQ - HS ngày 06/02/2018).

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH MTV H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Ngày 10.3.2017, Công ty TNHH MTV H (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) có đơn khởi kiện đối với Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm A (sau đây gọi tắt là bị đơn), yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

Yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm đối với chiếc xe mang BKS 29C-07755, số tiền bảo hiểm là:

Chi phí sửa chữa: 371.561.080 đồng; chi phí cẩu kéo: 7.700.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu thanh toán là 379.261.080 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, các bên đương sự thống nhất nội dung vụ án như sau:

Ngày 17/10/2011, Công ty TNHH MTV H và Công ty cổ phần bảo hiểm A - Chi nhánh B đã ký kết hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô số 20/TL - STa/2110/0 đối với chiếc xe mang BKS số 29C-077.55. Thời hạn bảo hiểm 48 tháng từ ngày 17/10/2011 đến 17/10/2015.

Vào hồi 3 giờ 00 ngày 10/12/2013, chiếc xe trên do lái xe Bùi Văn Q điều khiển, khi đi đến địa phận thôn R, xã U, huyện W, tỉnh Lào Cai, do lái xe ngủ gật nên đã tự gây tai nạn khiến xe bị hư hỏng. Đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường đang thi công, chưa được thông xe và chưa được khai thác sử dụng, thuộc gói thầu A7, đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

Nguyên đơn cho rằng thời điểm xảy ra tai nạn, xe ô tô BKS số 29C-07755 được phép lưu thông trên đoạn đường đang thi công và xuất trình Hợp đồng kinh tế vận chuyển đá với Công ty X - đơn vị nhận thầu. Do vậy, thuộc trường hợp được bảo hiểm bồi thường.

Bị đơn không đồng ý bồi thường vì cho rằng: Lái xe đã điều khiển xe ô tô BKS số 29C - 07755 đi vào đường chưa được phép lưu thông là hành vi bị nghiêm cấm theo Điều 8 Luật giao thông đường bộ, vi phạm Điều 9 khoản 1 Luật giao thông đường bộ, nên thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định tại điểm 7, Điều 10 của Quy tắc bảo hiểm ô tô của PJICO ban hành ngày 05/5/2009.

Ngân hàng TMCP M (sau đây gọi tắt là ngân hàng M) xác nhận chiếc xe ô tô BKS 29C – 077.55 được nguyên đơn thế chấp cho Ngân hàng M theo hợp đồng thế chấp số 851618/TCTS ngày 20/10/2011 để bảo đảm khoản vay cho nguyên đơn. Trước khi thế chấp, Ngân hàng M, nguyên đơn và bị đơn đã ký xác nhận chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện việc bảo hiểm do chiếc xe ô tô trên bị tai nạn, Ngân hàng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu bị đơn phải có trách nhiệm chi trả số tiền bảo hiểm cho nguyên đơn thì chuyển số tiền chi trả đó cho Ngân hàng M – Chi nhánh Z là đơn vị được quyền thụ hưởng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bồi thường chi phí phát sinh do phải thuê xe khác để phục vụ việc kinh doanh trong thời gian từ 20/12/2014 đến 20/12/2017 với mức phí là 15.000.000 đồng/tháng với tổng số tiền là 540.000.000 đồng. Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là 919.261.080 đồng.

Bản án sơ thẩm số 27 ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Đ đã quyết định:

1- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng bảo hiểm của Công ty TNHH MTV H đối với Tổng công ty bảo hiểm A.

2- Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 03/10/2017, nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân quận Đ với lý do bản án sơ thẩm chưa khách quan, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 919.261.082 đ (trong đó tiền sữa chữa xe bị hư hỏng nặng là 379.261.080 đ; chi phí công ty H thuê xe khắc phục hoạt động kinh doanh từ 20/12/2014 – 20/12/2017: 15.000.000đ/1 tháng x 36 tháng: 540.000.000 đ).

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa sơ thẩm, buộc bị đơn bồi thường chi phí phát sinh do phải thuê xe khác để phục vụ việc kinh doanh trong thời gian từ 20/12/2014 đến 20/12/2017 với tổng số tiền là 540.000.000 đồng và giữ nguyên yêu cầu bị đơn bồi thường tiền chi phí sửa xe và cẩu xe tổng số 379.261.080 đ. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm vì đã xét xử

đúng qui định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo trình tự luật định. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa sơ thẩm, buộc bị đơn bồi thường chi phí phát sinh do phải thuê xe khác để phục vụ việc kinh doanh trong thời gian từ 20/12/2014 đến 20/12/2017 với tổng số tiền là 540.000.000 đồng, bị đơn không có ý kiến phản đối. Theo quy định khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện bổ sung này, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, vì vậy đơn kháng cáo là hợp lệ.

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngày 17/10/2011, Công ty TNHH MTV H và Công ty cổ phần bảo hiểm A - Chi nhánh B đã ký kết hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô số 20/TL-sta/2110/0 đối với chiếc xe ô tô mang Biển kiểm soát số 29C-07755. Thời hạn bảo hiểm 48 tháng từ ngày 17.10.2011 đến 17.10.2015.

Ngày 10/12/2013, chiếc xe ô tô mang Biển kiểm soát số 29C - 077.55 bị tại nạn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường, bị đơn không đồng ý nên nguyên đơn đã khởi kiện. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật phát sinh là "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm" theo qui định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005; Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật giao thông đường bộ để giải quyết vụ án là đúng qui định của pháp luật.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có trụ sở kinh doanh tại địa chỉ: phố S, quận Đ, thành phố Hà Nội. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Đ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng qui định pháp luật.

[2].Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 919.261.082 đ (trong đó tiền sữa chữa xe bị hư hỏng nặng là 379.261.080 đ; chi phí nguyên đơn thuê xe khắc phục hoạt động kinh doanh từ 20/12/2014 – 20/12/2017: 15.000.000đ/1 tháng x 36 tháng: 540.000.000 đ). Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Đối với yêu cầu đòi tiền bảo hiểm sửa chữa xe:

Xét Hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ôtô số 20 ngày 17/10/2011thì thấy: Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không có tranh chấp về điều khoản và giá trị hợp đồng. Tại Hợp đồng bảo hiểm có qui định đối tượng bảo hiểm là xe ô tô BKS 29C – 077.55, điều kiện bảo hiểm dựa trên quy tắc bảo hiểm kết hợp xe ô tô ban hành theo QĐ số 34 ngày 5/5/2009 của Tổng giám đốc J và Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm dân sự thực hiện theo quy tắc bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đang hiện hành của Bộ Tài chính. Cùng ngày 17/10/2011, PIJICO đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 00288617 cho xe Toyota Hilux bán tải 5 chỗ ngồi nêu trên không kinh doanh vận tải. Như vậy, bên mua bảo hiểm đã hoàn tất các thủ tục mua bảo hiểm khi phát sinh sự kiện bảo hiểm.

Vào hồi 03 giờ 00 ngày 10/12/2013, chiếc xe nói trên do lái xe Bùi Văn Q điều khiển, khi đi đến địa phận thôn R, xã U, huyện W, tỉnh Lào Cai, do lái xe ngủ gật nên đã tự gây tai nạn khiến xe bị hư hỏng. Địa điểm xảy ra tai nạn được xác định đang trong giai đoạn thi công thuộc gói thầu A7, đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Ngày 01/4/2014, tuyến đường này chính thức được lưu thông. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bên đương sự đều xác nhận, thời điểm xảy ra tai nạn, đoạn đường trên chưa được thông xe đưa vào sử dụng.

Bị đơn từ chối thanh toán tiền bảo hiểm với lý do: đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường đang thi công, chưa được thông xe và chưa được khai thác sử dụng, thuộc gói thầu A7, đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Lái xe đi vào đường này là khu vực đường cấm; vi phạm được quy định của Luật giao thông đường bộ; căn cứ khoản 7 Điều 10 Quy tắc bảo hiểm ô tô của J ban hành ngày 05/5/2009, quy định những điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chung, căn cứ vào loại hình bảo hiểm nguyên đơn đã mua, trường hợp này bị đơn không phải trả tiền bảo hiểm.

Nguyên đơn cho rằng thời điểm xảy ra tai nạn, xe ô tô BKS số 29C-07755 được phép lưu thông trên đoạn đường đang thi công và xuất trình Hợp đồng kinh tế 501/HĐKT.13 ngày 22/10/2013 giữa Công ty X và nguyên đơn về việc Công ty X thuê nguyên đơn vận chuyển đá các loại phục vụ thi công công trình nên thuộc trường hợp được bảo hiểm bồi thường.

Xem xét nội dung hợp đồng kinh tế 501/HĐKT.13 ngày 20/10/2013 thể hiện: nguyên đơn nhận vận chuyển đá các loại cho Công ty X phục vụ thi công công trình. Nguyên đơn đảm bảo an toàn và chịu trách nhiệm cho người, phương tiện vận chuyển của mình ... trong quá trình vận chuyển hàng; có trách nhiệm đăng ký số lượng phương tiện, thời gian cần lấy dầu trước 17h ngày hôm trước...Các bên đương sự đều xác nhận, xe ô tô mang Biển kiểm soát số 29C-07755 là xe dân dụng bán tải thông thường, không phải xe chở đá chuyên dụng, thời gian xảy ra tai nạn, xe ôtô trên chở 4 bộ má phanh ô tô tải đi từ Lào cai đến mỏ đá R, U, mục đích để sửa chữa xe chở đá, trên đường về vì buồn ngủ nên lái xe gây ra tai nạn. Như vậy, xác định khi gây ra tai nạn, lái xe không làm nhiệm vụ vận chuyển đá theo Hợp đồng. Công ty TNHH MTV H có xuất trình Công văn số 01 ngày 25/09/2015 gửi Công ty X với nội dung thể hiện xe ô tô BKS 29C 077.55 đã đăng ký để xe lưu thông trong khu vực công trường để thực hiện hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Tuy nhiên, công văn này được ban hành sau khi sự việc tai nạn đã xảy ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn có lời khai hôm xảy ra tai nạn, Công ty có thông báo với Công ty X về việc xe ô tô BKS số 29C-07755 đăng ký đi vào tuyến đường đang xây dựng mục đích chở vật dụng sửa chữa một xe ô tô khác của Công ty đang bị hỏng. Tuy nhiên tại phiên tòa, phía nguyên đơn cũng xác nhận đây là lời khai và không cung cấp được tài liệu chứng minh đã được sự đồng ý của Công ty X về việc sẽ đưa xe BKS số 29C-07755 đi vào khu vực đường đang xây dựng. Tài liệu Công ty X cung cấp chỉ xác nhận có việc ký hợp đồng vận chuyển đá với nguyên đơn. Mặt khác, tại công văn số 0025 ngày 4/01/2017, Công ty X đã trả lời Công ty Luật L về trách nhiệm của các bên đã được ghi rất rõ trong Điều 1 và Điều 4 của Hợp đồng kinh tế số 501 ngày 22/10/2013 và trong Hợp đồng cũng không thỏa thuận xe ô tô 29C 077.55 được phép lưu thông hoạt động trong công trình đang thi công. Tại biên bản làm việc của Tòa án cấp sơ thẩm ngày 09/8/2017 với Công ty X cũng một lần khẳng định lại nội dung trên. Do vậy, việc xe ô tô BKS số 29C-07755 lưu thông trên đoạn đường chưa được lưu thông, đang trong giai đoạn thi công là vi phạm các quy định về giao thông đường bộ.

Về phía bị đơn không đồng ý bồi thường và viện dẫn trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định tại điểm 7, Điều 10 của Quy tắc bảo hiểm ô tô của J ban hành ngày 05/5/2009. Việc viện dẫn loại trừ bảo hiểm của Tổng công ty bảo hiểm A là đúng thỏa thuận về bảo hiểm. Cấp sơ thẩm đã xét xử đúng qui định của pháp luật. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV H.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa sơ thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên

tòa sơ thẩm, buộc bị đơn bồi thường chi phí phát sinh do phải thuê xe khác để phục vụ việc kinh doanh trong thời gian từ 20/12/2014 đến 20/12/2017 với tổng số tiền là 540.000.000 đồng, bị đơn đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với qui định pháp luật nên áp dụng khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung này của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Công ty TNHH MTV H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH MTV H phải chịu 2.000.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2017/KDTM - ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa. Cụ thể:

Áp dụng: Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 271, Điều 273 và Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 567, 568, 569, 570, 571, 572, 576 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 8,9 Luật giao thông đường bộ; Điều 7,8, 12, 13, 14, 17, 18 Luật kinh doanh Bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi năm 2010; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ về án phí, lệ phí Tòa án .Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV H.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV H về việc buộc Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm A bồi thường chi phí phát sinh do phải thuê xe để phục vụ việc kinh doanh trong thời gian từ 20/12/2014 đến 20/12/2017 với tổng số tiền là 540.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng bảo hiểm của Công ty TNHH MTV H đối với Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm A.

4. Về án phí: Công ty TNHH MTV H phải chịu 39.577.832 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận Công ty TNHH MTV H đã nộp 9.400.000 đồng và 2.000.000 đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005654 ngày 23/05/2017 và số 0006284 ngày 17/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Đ, còn phải nộp tiếp 28.177.832 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 7/5/2018.

Nơi nhận:
- TAND quận Đ;
- VKSND TP Hà Nội;
- THADS quận Đ;
- Các ĐS;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Thủy